

Số: 149/2022/QĐST-HNGĐ

Tân Phú, ngày 09 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 72/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Võ Đình Ng., sinh năm 1984; địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Bà Nguyễn Thị H., sinh năm 1983; địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Đình Ng. và bà Nguyễn Thị H. tự nguyện chung sống năm 2008, có tổ chức lễ cưới và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XB., huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 63, quyển số I/2008, ngày 28/3/2008.

Thời gian đầu cả hai chung sống hạnh phúc. Nhưng về sau đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình, lối sống không hòa hợp, thường xuyên xảy ra gây gổ, cãi vã về kinh tế, con cái, cuộc sống gia đình dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Cả hai đã tự ly thân và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau từ năm 2019 đến nay. Cả hai đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không thành.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, do đó ông Võ Đình Ng. và bà Nguyễn Thị H. yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Ng. và bà H. có 02 (hai) con chung là Võ Đình S., sinh

ngày 28/01/2009 và Võ Đình C., sinh ngày 14/11/2018. Cả hai thỏa thuận ông Võ Đình Ng. được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là Võ Đình S., sinh ngày 28/01/2009 và Võ Đình C., sinh ngày 14/11/2018. Ông Ng. không yêu cầu bà Nguyễn Thị H. cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Ông Ng. và bà H. tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về các vấn đề khác: Ông Ng. và bà H. cùng xác nhận không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Đình Ng. và bà Nguyễn Thị H. thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông Võ Đình Ng. và bà Nguyễn Thị H., theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63, quyển số I/2008, ngày 28/3/2008 tại Ủy ban nhân dân xã XB., huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chấm dứt kể từ ngày quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Ông Ng. và bà H. có 02 (hai) con chung là Võ Đình S., sinh ngày 28/01/2009 và Võ Đình C., sinh ngày 14/11/2018. Cả hai thỏa thuận ông Võ Đình Ng. được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là Võ Đình S., sinh ngày 28/01/2009 và Võ Đình C., sinh ngày 14/11/2018. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà Nguyễn Thị H. do ông Ng. không yêu cầu.

+ Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

+ Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

+ Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Khi cần thiết, người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3. Về tài sản chung: Ông Ng. và bà H. tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về các vấn đề khác: Ông Ng. và bà H. cùng xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn)

đồng do ông Ng. và bà H. cùng phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà ông Ng. và bà H. đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0034955 ngày 20/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Ng. và bà H. đã nộp đủ lệ phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lâm Đức Tài